

Số: 443 /BC-SGTVT

Trà Vinh, ngày 04 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO**  
**Công tác cải cách hành chính năm 2018**

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:**

**1. Công tác chỉ đạo điều hành:**

Tiếp tục quán triệt triển khai, tuyên truyền và thực hiện các văn bản có liên quan đến công tác cải cách hành chính như: Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính; Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 15/12/2017 của UBND tỉnh về thực hiện công tác cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2018; Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Công văn số 265/UBND-KSTT ngày 23/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 1576/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 về ban hành Bộ tiêu chí theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 17/8/2018 về triển khai, thực hiện Bộ tiêu chí theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2018; Công văn số 2891/UBND-NC ngày 10/8/2018 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát, hướng dẫn khắc phục những vấn đề còn hạn chế, vướng mắc trong quá trình cung ứng dịch vụ hành chính công, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung công tác tuyên truyền phổ biến các văn bản có liên quan đến công tác cải cách hành chính đã nâng cao nhận thức của công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

**2. Cải cách thể chế**

Thực hiện các quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở đã chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm quy trình soạn thảo, việc ban hành mới được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục ban hành, bảo đảm đúng quy định. Đồng thời Lãnh đạo Sở chỉ đạo Thủ trưởng các phòng, đơn vị và chuyên viên phụ trách công tác cải cách hành chính thực hiện việc rà soát các văn

bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực của đơn vị đề xuất các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện.

### **3. Công tác cải cách hành chính**

Tiếp tục thực hiện Quyết định số 90/QĐ-UBND 16/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2018; Công văn số 3183/UBND-KSTT ngày 30/8/2018 của UBND tỉnh về chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đề cao trách nhiệm người đứng đầu, tập trung triển khai và thực hiện hiệu quả hơn công tác cải cách thủ tục hành chính; Công văn số 2644/UBND-KSTT ngày 23/7/2018 về việc thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận và hoàn trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đơn vị ban hành Kế hoạch số 340/KH-SGTVT ngày 16/4/2018 của Sở GTVT tỉnh Trà Vinh về việc đẩy nhanh xây dựng chính quyền “*kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả*” phục vụ nhân dân và doanh nghiệp. Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính của đơn vị đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi đến giao dịch. Kết quả đơn vị thực hiện rà soát đề nghị cấp có thẩm quyền rút ngắn thời gian thực hiện là 66 thủ tục hành chính và công bố 100 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của đơn vị theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh. Tiếp tục thực hiện dịch vụ công cấp độ 3 trong lĩnh vực cấp, đổi giấy phép lái xe; dịch vụ công cấp độ 4 của thủ tục hành chính đổi phôi hiệu, biển hiệu. Phối hợp với Bưu điện tỉnh cung ứng dịch vụ chuyển phát hồ sơ và giấy phép lái xe đến địa chỉ theo yêu cầu của người dân qua đường bưu điện.

Kết quả, đơn vị thực hiện 19.435 lượt thủ tục hành chính, các thủ tục đều đảm bảo thực hiện đúng thời gian quy định, chất lượng phục vụ nhân dân từng bước được nâng cao.

*(Có số liệu thực hiện công tác cải cách hành thủ tục hành chính kèm theo).*

### **4. Cải cách tổ chức bộ máy**

Tiếp tục quán triệt, triển khai đến các đơn vị trực thuộc thực hiện Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/2/2018 của Chính phủ và Kế hoạch thực hiện số 71-KH/TU ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “*Về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”; tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 05-ĐA/TU ngày 21/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh

Trà Vinh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và các văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ tỉnh về sắp xếp, tinh giản tổ chức bộ máy, biên chế.

Kết quả sau khi thực hiện tinh giản tổ chức bộ máy đã giảm 01 phòng chuyên môn (hiện còn 03 phòng: Văn phòng Sở, Phòng Quản lý vận tải phương tiện và Người lái, Phòng Kế hoạch - Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông) và giảm 01 chức danh Trưởng phòng. Tiếp tục tham mưu trình tự, thủ tục chuyển đổi 02 đơn vị sự nghiệp Trung tâm đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ giao thông vận tải và Ban Quản lý Bến xe khách Trà Vinh lên công ty cổ phần theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

### **5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức**

Đơn vị triển khai và thực hiện tốt Kế hoạch số 04-KH/UBND về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2018; Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Kết quả, đơn vị 12 công chức, viên chức đang tham gia học sau đại học; 20 công chức, viên chức học các lớp bồi dưỡng Quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên, Chuyên viên chính; tin học, ngoại ngữ, ngữ văn Khmer do Sở Nội vụ tổ chức.

Nhìn chung, công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của đơn vị ngày càng quan tâm và đem lại nhiều kết quả thiết thực, trình độ chuyên môn cũng như kỹ năng nghiệp vụ hành chính của từng công chức, viên chức ngày càng được nâng cao, giải quyết nhanh, có hiệu quả, nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của đội ngũ công chức, viên chức của đơn vị khi giao dịch hành chính.

### **6. Về cải cách tài chính công:**

Đơn vị thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Công tác thu, chi đúng theo quy định hiện hành của nhà nước, từ đầu năm đến nay đơn vị và các đơn vị trực thuộc không để xảy ra trường hợp sai sót trong quản lý tài chính. Đăng ký với cơ quan chuyên môn mua sắm tập trung theo đúng quy định.

### **7. Hiện đại hóa nền hành chính Nhà nước:**

Đơn vị thực hiện tốt Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử và Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chứng thư số, chữ ký số trong

cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Đồng thời, đơn vị sử dụng tốt việc chuyển văn bản qua phần mềm quản lý văn bản và điều hành Idesk và M-Office, qua đó góp phần giảm được số lượng văn bản giấy, tiết kiệm một phần kinh phí cho cơ quan, đơn vị cũng như giúp hoạt động hành chính được thực hiện nhanh chóng, khắc phục được hạn chế về mặt thời gian trong quá trình gửi nhận văn bản. Duy trì và tổ chức thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.

Tiếp tục triển khai quy trình thực hiện dịch vụ công cấp độ 3 trong lĩnh vực cấp, đổi giấy phép lái xe; dịch vụ công cấp độ 4 của thủ tục hành chính đổi phù hiệu, biển hiệu. Phối hợp với Bưu điện tỉnh cung ứng dịch vụ chuyển phát hồ sơ và giấy phép lái xe đến địa chỉ theo yêu cầu của người dân qua đường bưu điện.

## **II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ**

### **1. Ưu điểm:**

- Được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền trong việc triển khai thực hiện, khắc phục kịp thời những hạn chế trong các hoạt động cải cách hành chính của đơn vị.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ luôn được chú trọng, ý thức trách nhiệm, tinh thần, thái độ làm việc của đội ngũ công chức, viên chức được nâng lên, đáp ứng nhu cầu giải quyết công việc nhanh chóng, hiệu quả cho cá nhân và tổ chức.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động hành chính góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, hoạt động hiệu quả hoàn thành tốt các công việc được giao, giải quyết nhanh chóng các nhu cầu, nguyện vọng của người dân, doanh nghiệp khi đến liên hệ công tác, góp phần tăng sự hài lòng của người dân đối với cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện tốt các hoạt động kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cũng như việc kiểm soát thủ tục hành chính, công bố kịp thời các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị.

### **2. Hạn chế:**

Văn bản pháp quy chuyên ngành quy định về thủ tục hành chính thay đổi liên tục ít nhiều ảnh hưởng đến việc rà soát bãi bỏ, bổ sung và công bố mới các thủ tục hành chính và việc triển khai thực hiện của đơn vị.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI**

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát tổ chức bộ máy tin gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có trình độ, năng lực, kỹ năng hành chính và phẩm chất đạo đức tốt, đặc biệt là đội ngũ công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả của đơn vị.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, tăng cường công tác rà soát thủ tục hành chính, kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và công bố mới thủ tục hành chính theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính của đơn vị. Thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo về công tác cải cách hành chính.

- Tiếp tục triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin theo cơ chế một cửa hiện đại và dịch vụ công trực tuyến; ứng dụng phần mềm văn phòng điện tử M-Office trong việc chuyển văn bản.

Trên đây là tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2018 của Sở giao thông vận tải. / *Phan Anh Quốc*

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.



**GIÁM ĐỐC**

**Phan Anh Quốc**





**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2018**  
(Kèm theo Báo cáo A47/BC-SGTVT ngày 04/12/2018 của Sở Giao thông vận tải)

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết											Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ đang giải quyết			12				
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận		Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá thời hạn		Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
1	Cấp mới GPLX	9.382		9.382	9.382	9.382							
2	Cấp đổi GPLX	6.970		6.970	6.970	6.970							
3	Cấp, đổi Giấy chứng nhận Đăng ký phương tiện TNĐ	82		82	82	82							
4	Cấp, đổi giấy phép hoạt động bên thủy nội địa	67		67	67	67							
5	Thẩm định cải tạo và duyệt thiết kế kỹ thuật xe cơ giới	38		38	38	38							
6	Cấp phụ hiệu chạy xe các loại	1.989		1.989	1.989	1.989							
7	Đăng ký giấy chứng nhận xe chuyên dùng	23		23	23	23							
8	Đề nghị xác minh GPLX tình khác quản lý	90		90	90	90							
9	Trả lời xác minh GPLX do các tình khác đề nghị	75		75	75	75							
10	Xác nhận thông tin GPLX trên hệ thống dữ liệu của Tổng cục đường bộ	410		410	410	410							
11	Cấp giấy phép kinh doanh vận tải	15		15	15	15							

12	Cấp giấy phép qua khổ quá tải trọng	103		103	103	103				
13	Cấp giấy phép bến khách ngang sông	44		44	44	44				
14	Xóa đăng ký thủy nội địa	39		39	39	39				
15	Xe tập lái	33		33	33	33				
16	Thẩm định xe	48		48	48	48				
17	Giấy phép liên vận	5		5	5	5				
18	Cấp bằng thuyền trưởng, máy trưởng	22		22	22	22				
	<b>Tổng số</b>	<b>19.435</b>		<b>19.435</b>	<b>19.435</b>	<b>19.435</b>				